

Bản án số: 94/2024/LĐ-ST

Ngày: 25 – 7 – 2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu
và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 118/2024/TLST – LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST – LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn G (V)

Địa chỉ trụ sở: Lô E khu công nghiệp Đ, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông WANG JUI HUNG – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương Q – Nhân viên

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

(Tất cả đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:

Từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 03 năm 2022, bà vào làm tại Công ty TNHH K có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 4806009041.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị L có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho bà L mượn giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Kim C để bà L đi làm tại Công ty TNHH G (V) trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008. Khi bà Nguyễn Thị L mang tên Nguyễn Kim C làm việc tại Công ty TNHH G (V) thì bà L cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 4807031993.

Việc cho bà L mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH G (V) không phải do bản thân bà thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 4806009041 và 4807031993 cùng mang tên Nguyễn Kim C nên bà C không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Nguyễn Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị L (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Nguyễn Kim C) với Công ty TNHH G (V) với thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008.

2/ Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807031993 cấp cho bà Nguyễn Kim C thành tên Nguyễn Thị L.

Bị đơn Công ty TNHH G (V) do bà Nguyễn Phương Q đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày:

Công ty xác định bà Nguyễn Kim C có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty TNHH G (V) từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008 nhưng Công ty không biết việc bà L mượn hồ sơ tư pháp của bà C để làm việc tại công ty. Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà L dưới tên Nguyễn Kim C từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động để hỗ trợ người lao động được chốt sổ bảo hiểm xã hội và không có yêu cầu gì trong vụ án. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có văn bản trình bày: Bà xác nhận có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Kim C để vào làm việc tại Công ty TNHH G (V) từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và

chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với sổ Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 4807031993. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:
Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định Công ty TNHH G (V) có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Kim C từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 với số sổ bảo hiểm 4807031993, bà Nguyễn Kim C chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội nêu trên. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Nguyễn Kim C yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà với Công ty TNHH G (V), thời gian lao động từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008 là phù hợp nên được chấp nhận vì thời gian này bà Nguyễn Kim C không làm việc tại Công ty TNHH G (V), mà bà C làm việc tại Công ty TNHH K và có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 4806009041. Thời gian này, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH G (V) và tham gia BHXH số số 4807031993.

Việc ông bà Nguyễn Thị L sử dụng giấy tờ của bà Nguyễn Kim C làm hồ sơ ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G (V) là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 4 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những lý do trên có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của của bà Nguyễn Kim C.

Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Nguyễn Kim C) với Công ty TNHH G (V) từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008.

Điều chỉnh tên Nguyễn Kim C trên sổ BHXH mã số 4807031993 trong giai đoạn từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008 tại Công ty TNHH G (V) thành tên Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Kim C nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH G (V) có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Kim C là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH G (V) là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị L và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Kim C khởi kiện Công ty TNHH G (V), trong khoảng thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2008 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện nên bà C có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Kim C có nộp Sổ BHXH mã số 4806009041; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng số 4807031993 và 4806009041 cùng mang tên Nguyễn Kim C. Công ty TNHH G (V) cung cấp hợp đồng lao động với bà Nguyễn Kim C.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do các đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết

tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Kim C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa Nguyễn Kim C nhưng do Nguyễn Thị L là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH G (V) thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 11 năm 2008 là vô hiệu. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là Hợp đồng lao động do bị đơn Công ty TNHH G (V) và văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH G (V) có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Kim C từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807031993 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Kim C với Công ty TNHH G (V) có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008.

Xét thấy, bà Nguyễn Kim C có cho bà Nguyễn Thị L mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim C để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 11 năm 2008 tại Công ty TNHH G (V) theo sổ BHXH mã số 4807031993. Trong khi đó bà Nguyễn Kim C cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH K và có tham gia bảo hiểm xã hội. Trong khoảng thời gian này, bà Nguyễn Kim C cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 4806009041.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 thì người mang tên Nguyễn Kim C cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp là Công ty TNHH G (V) và Công ty TNHH K.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị L trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH G (V) nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Kim C là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Kim C với Công ty TNHH G (V) là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Kim C trên Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807031993 trong giai đoạn từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 tại Công ty TNHH G (V) thành tên Nguyễn Thị L.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim C tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH G (V).

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị L (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Nguyễn Kim C) với Công ty TNHH G (V), thời gian từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008;

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807031993 cấp cho bà Nguyễn Kim C do Công ty TNHH G (V) nộp từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 4 năm 2008 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Kim C được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị C2 với Công ty TNHH K.

Bà Nguyễn Thị L được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH G (V) theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807031993 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C2 tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004591 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, bà Nguyễn Kim C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí L1 – Trần Thị Đới Nguyễn Hữu Q1

